

Các vấn đề lý luận cơ bản về dự báo nhu cầu đào tạo ở trường đại học định hướng ứng dụng

Nguyễn Xuân Hải, Đào Trường Thành, Trần Quốc Việt, Bùi Duy Đô, Đinh Thị Thanh Hiền, Nguyễn Thị Hương Thơm, Nguyễn Năng Hưng, Phạm Tuấn Dũng

Trường ĐH Thủ đô Hà Nội

Received: 6/11/2023; Accepted: 12/11/2023; Published: 20/11/2023

Abstract: Application-oriented university is one of the university models in practice in countries around the world and in our country. The university's training program is carried out according to called "the professional - oriented higher education"/POHE. The training organization emphasizes on providing practical skills when the technical and natural sciences have become more urgent than providing abstract and fundamental theory. The extremely rapid and strong fluctuations of the economy and society require application-oriented universities to forecast training needs relatively accurately in order to plan the steps for the future with specific issues that need to be addressed in universities.

Contents of the article focus on researching theoretical issues on forecasting training needs at application-oriented universities such as basic concepts, characteristics and basic contents of the research. The contents of the article will be the theoretical basis for the implementation of further studies of training need forecasting for Hanoi Metropolitan University.

Keywords: Training program, forecast, applied orientation, training need, university.

1. Đặt vấn đề

Trường đại học (ĐH) định hướng ứng dụng (ĐHĐHƯĐ) được hầu hết các nước trên thế giới áp dụng với mục tiêu đào tạo (ĐT) nhằm đáp ứng trực tiếp nhu cầu nguồn nhân lực (NNL) của các ngành kinh tế - xã hội, tập trung ở địa bàn nơi trường đóng. Đảm đương vai trò này, trường ĐHĐHƯĐ luôn đề cao và thích ứng với sự thay đổi hết sức mạnh mẽ, nhanh chóng của thị trường lao động. Dự báo nhu cầu đào tạo (DBNCĐT) để định hướng cung cấp các dịch vụ phục vụ trực tiếp và chủ yếu đáp ứng nhu cầu NNL (số lượng và chất lượng) theo giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nơi trường ĐH đóng là một hoạt động tất yếu của trường ĐH, đặc biệt là của trường ĐHĐHƯĐ.

Nghiên cứu về dự báo giáo dục, DBNCĐT ở trường ĐH đã được các tác giả trong và ngoài nước thực hiện theo các phương diện khác nhau, chẳng hạn, công trình của tác giả Nguyễn Vũ Bích Hiền: "Nghiên cứu DBNCĐT giáo viên đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035" [1], Hoàng Công Dụng về "Nghiên cứu DBNCĐT trình độ ĐH nhóm ngành Kỹ thuật - Công nghệ trong bối cảnh CMCN 4.0" [2]. Nghiên cứu ở nước ngoài như: công trình các tác giả Myron B. Allen, III, Eli L. Isaacson (2011) "Numerical Analysis for Applied Science" [3],

Rodrigo Rezende Ferreira, Gardênia Abbad (2012), "Training needs assessment: where we are and where we should go" [4], ...

Nội dung bài viết tập trung nghiên cứu các vấn đề lý luận về DBNCĐT ở các trường ĐHĐHƯĐ.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Trường ĐH định hướng ứng dụng (ĐHĐHƯĐ)

là một trong ba mô hình hiện nay của các trường ĐH ở nước ta và trên thế giới, bao gồm trường ĐH nghiên cứu, trường ĐH UĐ và trường ĐH thực hành. Sự phân biệt các mô hình trường ĐH theo các định hướng trên chủ yếu dựa vào mục đích ĐT, CTĐT và tổ chức ĐT, trong đó, trường ĐHĐHƯĐ được hiểu là trường ĐH có CTĐT dựa trên yêu cầu thực tiễn về kiến thức, kỹ năng và phẩm chất giúp người học sẵn sàng tham gia vào hoạt động (nghề nghiệp) NN cụ thể; mang tính thực hành thông qua cấu trúc thời lượng giờ học ngoại khoá chiếm tỷ lệ đa số; đồng thời có sự gắn kết chặt chẽ giữa đơn vị sử dụng lao động sau ĐT với cơ sở ĐT trong tổ chức ĐT.

2.2. Đặc điểm DBNCĐT ở trường ĐHĐHƯĐ

Dự báo NCĐT ở trường ĐHĐHƯĐ có những đặc điểm chung của dự báo, đồng thời có các đặc điểm cụ thể khác.

2.2.1. DBNCĐT có đặc điểm chung của dự báo

Các đặc điểm chung của dự báo bao gồm: 1)

Chấp nhận giả thiết ban đầu: Các yếu tố ảnh hưởng đến giá trị của đại lượng dự báo trong quá khứ sẽ tiếp tục có ảnh hưởng đến giá trị của đại lượng dự báo tương lai; 2) *Không có dự báo nào là chính xác tuyệt đối*, đây được coi là thuộc tính của dự báo; 3) *Dự báo có phương án chính xác cao* khi nhóm đối tượng khảo sát rộng, đa dạng, mẫu đại diện lớn; 4) *Độ chính xác của dự báo tỷ lệ nghịch với khoảng thời gian hay kỳ dữ liệu dự báo*, dự báo ngắn hạn thường có độ tin cậy cao hơn so với dự báo trung hạn và dự báo dài hạn; 5) *Giúp cá nhân và tổ chức hạn chế được những bất định, rủi ro trong lập và thực hiện kế hoạch để đạt mục đích trong tương lai.*

2.2.2. Đồng thời, DBNCĐT ở trường ĐHĐHƯD còn có các đặc điểm cụ thể sau:

a. DBNCĐT là hoạt động có tính đa lĩnh vực, đa chiều, đa phương án theo DHĐ đã được xác định thể hiện ở sứ mạng, tầm nhìn của trường ĐH

Với tính đa lĩnh vực, đa chiều của giáo dục cùng với tầm nhìn, sứ mạng của trường ĐH theo ĐHĐ được xác định nên những viễn cảnh tương lai của giáo dục được xác định trên cơ sở kết quả của dự báo..

b. DBNCĐT giúp trường ĐH thích ứng và chủ động với tính không chắc chắn của môi trường, đặc biệt là đối với các trường ĐHĐHƯD ở các nước đang phát triển như Việt Nam

. DBNCĐT đòi hỏi đáp ứng các yêu cầu về dữ liệu, phương pháp thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu, quản lý dữ liệu của lĩnh vực DBNCĐT đáp ứng yêu cầu NNL đối với trường ĐH

Dữ liệu sơ cấp (primary data) là dữ liệu chưa có sẵn, được thu thập lần đầu, do chính người nghiên cứu/ dự báo thu thập, phục vụ chính cho mục tiêu dự báo.

Dữ liệu thứ cấp (secondary data) là dữ liệu đã được tổng hợp, xử lý, nhận được từ kết quả của các nghiên cứu đã có. Dữ liệu thứ cấp có thể do các cơ quan nhà nước, các tổ chức trong và ngoài nước, của các nghiên cứu đã được nghiệm thu và công bố,... cung cấp.

Dữ liệu dự báo cần bảo đảm: 1) đầy đủ, đảm bảo tính chính xác, phản ánh đúng bản chất của vấn đề cần nghiên cứu; 2) phù hợp với mục đích của dự báo; 3) đồng nhất về nội dung; 4) đảm bảo tính liên tục về thời gian.

2.3. Các nội dung cơ bản của DBNCĐT ở trường ĐH theo ĐHĐ

2.3.1. Dự báo xu thế phát triển của mô hình trường

ĐH định hướng ứng dụng

Trên thế giới, trường ĐHĐHƯD (University of Applied Sciences - UAS) là thuật ngữ hiện được sử dụng tương đối phổ biến so với cách gọi trường kỹ thuật (Polytechnic University) hay trường nghề (Vocational University).

ĐT tại các trường ĐH này là sự kết hợp việc giảng dạy hay cung cấp cả kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành chuyên môn khi vấn đề chuyên môn của khoa học tự nhiên và kỹ thuật đã trở nên cấp thiết, quan trọng hơn việc cung cấp lý thuyết nền tảng, trừu tượng.

Thực tiễn, mô hình trường ĐHĐHƯD được tất cả quốc gia trên thế giới áp dụng mặc dù cần phải thừa nhận rằng, mô hình trường này thường không đáp ứng được các tiêu chuẩn khắt khe của một trường ĐH cũng như cung cấp các văn bằng học thuật tín chỉ một cách chính thức.

Ở Việt Nam, trường ĐHĐHƯD là một mô hình ĐT chính thức ở bậc ĐH, đồng đẳng với các mô hình trường ĐH khác.

Phân biệt các mô hình trường ĐH theo các định hướng chủ yếu dựa vào mục đích ĐT, CTĐT và tổ chức ĐT. Để có thể nhấn mạnh các đặc điểm của trường ĐHĐHƯD, có thể so sánh mô hình này với trường ĐHĐH nghiên cứu.

Bảng 2.1. Phân biệt mô hình trường ĐHĐH nghiên cứu và ĐHĐ

TT	Lĩnh vực	Trường ĐH định hướng nghiên cứu	Trường ĐH định hướng ứng dụng
	Định hướng ĐT	Chú trọng phát triển NL nhận biết, cách giải quyết vấn đề, giải quyết vấn đề, dự báo sự phát triển tiếp theo của vấn đề, xây dựng một lộ trình thực hiện cho cả một quá trình dài hạn	Chú trọng phát triển kỹ năng NN, kỹ năng thực hành nhằm thực hiện một công việc cụ thể một cách chất lượng, hiệu quả nhất
	Tính chất CTĐT	Mang tính chất nền tảng, từ vấn đề thống nhất học thuật đến khối lượng kiến thức đại cương, kiến thức ngành/cơ sở và kiến thức chuyên ngành/chuyên sâu một lĩnh vực, trong đó, NL NCKH luôn được đề cập đến trong toàn bộ nội dung của CTĐT	Mang tính chất thực hành với các khối lượng kiến thức tập trung vào hình thành và phát triển các kỹ năng thực hiện một công việc cụ thể, sẵn sàng tham gia ngay lập tức vào hoạt động của một ngành nghề cụ thể nào đó của xã hội
	CTĐT	SV được trang bị nền tảng kiến thức, kỹ năng NN đồng thời với khả năng nghiên cứu, có thể làm việc ở cả lĩnh vực NN, giảng dạy và nghiên cứu	SV được trang bị kiến thức, kỹ năng NN và sẵn sàng tham gia vào hoạt động thuộc lĩnh vực NN được ĐT

Phân bộ thời lượng ĐT	Kéo dài liên tục trong khoảng thời gian tối thiểu là 3 năm Phân bổ thời lượng của CTĐT dành nhiều thời lượng cho việc tự học, tự nghiên cứu, tự nghiên cứu có hướng dẫn, seminars, hội thảo khoa học,...	Gồm cả các khóa học dài hạn và ngắn hạn Phân bổ thời lượng của CTĐT dành nhiều thời lượng cho việc thực hành (có thể tới 70%) với sự tham gia trực tiếp của các đơn vị sử dụng lao động sau ĐT vào phát triển CTĐT, tổ chức ĐT, đánh giá kết quả ĐT,...
Tổ chức ĐT	Chú trọng phát triển tư duy phân tích, tính học thuật cao, ít giờ học thực hành/ngoại khoá, mức độ giám sát thấp, đề cao sự tự chủ trong học tập của SV	Chú trọng học kinh nghiệm thực tế; thường xuyên tổ chức các dự án; làm việc nhóm; có thể thực tập kết hợp trong toàn bộ quá trình ĐT; mức độ giám sát cao; đề cao NL kỹ thuật, tay nghề trong lĩnh vực/ngành được ĐT
Sau khi tốt nghề	SV có thể có nhiều hơn một lựa chọn NN theo lĩnh vực được ĐT	SV thường chỉ chọn ngành/ngành được ĐT

2.3.2. Dự báo sự phát triển của các ngành kinh tế, sự phát triển xã hội với những yêu cầu mới về chuẩn nghề nghiệp

Dự báo sự phát triển của các ngành kinh tế được dựa trên sự nhận thức các quy luật vận động của nền kinh tế để tạo lập các cơ sở khoa học cho việc đưa ra định hướng và các quyết sách cho tương lai. Nội dung dự báo này nhấn mạnh đến dự báo khả năng nguồn lực phát triển như lao động, vốn đầu tư, ứng dụng công nghệ, dự báo sử dụng tài nguyên, đất đai,... và các nguồn lực vô hình khác.

Dự báo nguồn nhân lực (dự báo quy mô đào tạo) dựa trên dự báo sự phát triển của các ngành kinh tế và sự phát triển xã hội là một trong những nội dung quan trọng của dự báo nhu cầu nguồn nhân lực nói chung và NCĐT của các trường ĐH. Điều này liên quan trực tiếp đến: a) dự báo về những biến đổi trong tính chất, mục tiêu, và cấu trúc của hệ thống giáo dục quốc dân do tác động của trình độ phát triển xã hội; b) quan điểm phát triển giáo dục, chính sách giáo dục và cơ chế quản lý (vấn đề trực thuộc sự quản lý của trường ĐH); c) vấn đề quy mô phát triển đào tạo đáp ứng nhu cầu NNL; d) số lượng/ quy mô, thành phần và nhu cầu người học; đ) sự phát triển bao gồm các ngành đang tồn tại và các ngành mới xuất hiện;...

Dự báo NNL phục vụ ĐT liên quan trực tiếp đến dự báo năng lực NN của từng lĩnh vực NN và được thể hiện ở CNN của lĩnh vực NN. Dự báo NNL sẽ định hướng cho trường ĐH xác định chỉ tiêu tuyển sinh và các điều kiện bảo đảm chất lượng ĐT NNL của nhà trường. Với sự thay đổi không ngừng của các ngành kinh tế và xã hội, yêu cầu về quy mô và chất

lượng NNL, CNN của NNL cũng không ngừng thay đổi cho phù hợp.

2.3.3. Dự báo CTĐT và các điều kiện bảo đảm chất lượng ĐT của trường ĐHĐHƯĐ

Chương trình đào tạo của trường ĐHĐHƯĐ được thực hiện theo CTĐT định hướng ứng dụng (Professional - Oriented Higher Education - POHE). Đó là CTĐT được xây dựng dựa vào cách tiếp cận NL giúp SV giảm thời gian học lý thuyết, tăng thời gian thực hành, trải nghiệm đúng chuyên ngành học, nâng cao NL NN của SV, sẵn sàng tham gia vào các ngành nghề cụ thể ngay sau khi tốt nghiệp..

Dự báo CTĐT bao gồm dự báo về những thay đổi: 1) mục tiêu ĐT (gồm chuẩn đầu ra), nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức ĐT; 2) cấu trúc và phân bổ thời lượng của CTĐT; 3) hướng dẫn tổ chức thực hiện CTĐT.

Dự báo về các điều kiện bảo đảm chất lượng ĐT bao gồm các dự báo về những biến đổi của: 1) đội ngũ giảng viên (số lượng, trình độ, cơ cấu theo ngành ĐT,...); 2) thiết bị, kỹ thuật công nghệ dạy học; 3) CSVC trường học, phòng thí nghiệm, thực hành trong trường; 4) học liệu giảng dạy và học tập; 5) cơ sở thực hành, thực tập ngoài trường;...

Những dự báo về CTĐT và các điều kiện bảo đảm chất lượng ĐT của trường đại học định hướng ứng dụng cần bám sát theo những yêu cầu của POHE.

3. Kết luận

Xác định được NCĐT của trường đại học, đặc biệt là đối với trường ĐHĐHƯĐ có ý nghĩa rất quan trọng cho việc định hướng lĩnh vực đào tạo của nhà trường. Kết quả nghiên cứu của bài viết là một trong những cơ sở để xây dựng được khung lý luận dự báo NCĐT đối với mô hình trường ĐHĐHƯĐ nói chung và đối với Trường ĐH Thủ đô Hà Nội trong tuyển sinh và tổ chức đào tạo cho những năm tiếp theo.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Vũ Bích Hiền (2021), *Nghiên cứu DBNCĐT giáo viên đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035*, Đề tài KHCN cấp Bộ, mã số: KHGD/16-20.ĐT.010, Hà Nội.
2. Hoàng Công Dụng (2018), *Nghiên cứu DBNCĐT trình độ ĐH nhóm ngành Kỹ thuật – Công nghệ trong bối cảnh CMCN 4.0*, Đề tài KHCN cấp Bộ, mã số: B2018-TĐC-01, Hà Nội.
3. Myron B. Allen, III, Eli L. Isaacson (2011) “Numerical Analysis for Applied Science”, A Wiley-Interscience Publication John Wiley & Son, INC.
4. Nguyễn Xuân Hải (chủ biên) (2023), *Giáo trình Tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục*, NXB ĐHQG, Hà Nội